

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/KDTM-PT

Ngày 16/8/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
thi công xây lắp

**NHÂN DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Bà Lê Thị Hạng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Phan Ngọc Chiêu Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây lắp*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần B (gọi tắt: Công ty B). Địa chỉ: Số 1 P, phường E, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Giang S, sinh năm 1993. Địa chỉ: A H, phường H, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024). Có mặt.

* **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt Công ty Đ). Địa chỉ: S đường số A, khu đô thị L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T1, sinh năm 1979 – Chức vụ kế toán. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2024). Có mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty CP Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần B trình bày:**

Ngày 06/9/2018, Công ty cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty B) và Công ty Cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là Công ty Đ) ký kết Hợp đồng thi công xây lắp số 06/9/2018/HĐTCXL về việc cung cấp vật tư và thi công xây lắp phần nhôm kính Dự án O tại Lô đất số H H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Theo nội dung hợp đồng, Công ty Đ là chủ đầu tư (bên giao thầu), Công ty B là nhà thầu (Bên nhận thầu), tổng giá trị hợp đồng là 59.669.531.346 đồng, chia thành nhiều đợt thanh toán.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã thực hiện đúng công việc và nghĩa vụ tuy nhiên Công ty Đ không thực hiện đủ nghĩa vụ thanh toán. Ngày 07/10/2020, Công ty B và Công ty Đ đã thực hiện việc đối chiếu công nợ. Theo đó, Công ty Đ xác nhận tính tới thời điểm đối chiếu, Công ty Đ còn nợ Công ty B 46.843.673.458 đồng. Bên cạnh đó, Công ty Đ cam kết thanh toán số công nợ trên theo lịch thanh toán như sau:

- + Thanh toán trước ngày 15/10/2020 số tiền 3.000.000.000 đồng.
- + Thanh toán trước ngày 20/10/2020 số tiền 2.000.000.000 đồng.
- + Thanh toán trước ngày 20/11/2020 số tiền 15.000.000.000 đồng.
- + Thanh toán trước ngày 31/12/2020 số tiền 26.843.673.458 đồng.

Mặc dù Công ty B đã chủ động liên hệ Công ty Đ để thống nhất lộ trình thanh toán và yêu cầu Công ty Đ thanh toán toàn bộ công nợ, tuy nhiên Công ty Đ chỉ thanh toán một phần công nợ (Đợt 1, Đ) cho Công ty B. Cho đến hiện tại Công ty Đ còn nợ Công ty B 41.843.673.458 đồng.

Do khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán và Công ty Đ không có thiện chí thanh toán công nợ nên Công ty B yêu cầu Công ty Đ thanh toán toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh và tiền phạt vi phạm cho đến ngày xét xử do Công ty Đ chậm thanh toán.

Cụ thể:

- + Hoàn trả công nợ cho Công ty Cổ phần B số tiền là 41.843.673.458 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử.
- + Thanh toán tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần B là 16.602.699.418 đồng.
- + Thanh toán tiền phạt vi phạm do chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần B là 3.138.275.509 đồng.

Tổng cộng Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B tổng số tiền 61.584.648.386 đồng.

*** Bị đơn Công ty Cổ phần Đ trình bày:**

Hiện nay Công ty Cổ phần Đ chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần B số tiền 41.843.673.458 đồng. Vì theo điều khoản thanh toán hợp đồng Công ty Đ

chỉ thanh toán 75% giá trị nghiệm thu. Tiền lãi thì bên bị đơn đồng ý trả khoản lãi là 3.138.275.509 đồng.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2023/KDTM-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ các Điều 50, 300, 301, 306 Luật Thương mại năm 2005, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 178 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B.

Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B tổng số tiền nợ là 61.584.648.386 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/9/2023, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty CP Đ1 là thành viên liên doanh Chủ đầu tư dự án O1, thu thập chứng cứ tính lãi không đầy đủ. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận số nợ gốc, lãi hai bên chốt là đúng và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét số tiền lãi tính lại cho hợp lý vì do ảnh hưởng dịch bệnh nên Công ty Đ không bán được các căn hộ đã hoàn thành.

- Nguyên đơn xác định số tiền nợ gốc, lãi hai bên đã chốt công nợ là đúng và tại phiên tòa bên bị đơn cũng thừa nhận. Bên nguyên đơn xét thấy do tình hình dịch bệnh nên bị đơn gặp khó khăn không bán được các căn hộ, do đó nguyên đơn giảm cho bị đơn 06 tháng tiền lãi chậm trả trong thời gian dịch bệnh Covid-19. Đối với lý do bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm như nêu trên nguyên đơn không đồng ý.

- Kiểm sát viên phát biểu: Theo tài liệu chứng cứ và tại giai đoạn sơ thẩm bên bị đơn đều thừa nhận số tiền gốc, lãi như nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm bên bị đơn cũng thừa nhận số nợ gốc, lãi đã chốt là đúng. Bản án sơ thẩm tính lãi bình quân 03 ngân hàng tại thời điểm xét xử và lãi phạt không vượt quá 8% là đúng quy định pháp luật. Bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do nêu trên là không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện giảm cho bị đơn 06 tháng tiền lãi chậm trả do dịch bệnh. Vì vậy, đề nghị sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử vụ án. Ngày 29/9/2023, bị đơn kháng cáo. Như vậy, Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo:

[2.1] Bị đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Theo Hợp đồng thi công xây lắp số 06/9/2018/HĐTCXL ngày 06/9/2018 (b1 187-208) được ký kết giữa chủ đầu tư là Công ty cổ phần Đ với nhà thầu là Công ty cổ phần B. Nội dung hợp đồng trên thể hiện các điều khoản cam kết của chủ đầu tư là ông Vũ Văn H (Tổng giám đốc) và bên nhận thầu ông Trần Văn T (Tổng giám đốc) đều là người đại diện pháp nhân của hai bên ký kết. Theo Bản chốt công nợ ngày 07/10/2020 (b1 01) giữa hai công ty nêu trên đều cho thấy việc thực hiện hợp đồng, nghiệm thu và chốt công nợ không thể hiện Công ty CP Đ1 liên quan trong việc ký kết hợp đồng. Đồng thời, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng thi công xây lắp nêu trên là giữa hai pháp nhân ký kết, không liên quan đến Công ty CP Đ1. Do đó, bên bị đơn cho rằng Công ty CP Đ1 là thành viên liên doanh với chủ đầu tư nên phải là người liên quan trong vụ án này là không có cơ sở.

Trường hợp, Công ty cổ phần Đ và Công ty CP Đ1 xảy ra tranh chấp giữa các thành viên liên doanh với nhau thì giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh yêu cầu.

[2.2] Bị đơn cho rằng thu thập chứng cứ tính lãi không đầy đủ và đề nghị xem xét lại số tiền lãi chậm thanh toán cho hợp lý:

- Về việc thu thập chứng cứ tính lãi không đầy đủ: Theo Thông báo lãi suất số 15/23/LSVNĐ ngày 23/8/2023 và phụ lục kèm theo của Ngân hàng N – Chi nhánh K xác định mức lãi suất nợ trong hạn là 10.5%/năm; Thông Báo báo của Ngân hàng N1 – Chi nhánh K ngày 28/8/2023 lãi nợ trong hạn là 8,5%/năm và Công văn số 103/BIDV.NTR-KHDN ngày 12/9/2023 mức lãi suất nợ trong hạn là 10,5%/năm. Mức lãi suất quá hạn theo quy định chung là 150% của lãi suất trong hạn đối với các mức lãi suất nêu trên. Vậy lãi suất chậm thanh toán trung bình của 03 ngân hàng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang áp dụng giải quyết đối với công nợ được hai bên thống nhất số tiền 41.843.673.458 đồng tại thời điểm xét xử (19/9/2023) là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, bị đơn cho rằng thu thập chứng cứ tính lãi suất không đầy đủ là không có cơ sở.

- Bị đơn đề nghị xem xét lại tiền chậm thanh toán cho hợp lý: Theo các tài liệu chứng cứ, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bên bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ gốc và lãi đúng như biên bản chốt công nợ nêu trên. Tuy nhiên, quá trình dịch bệnh nên không bán được các căn hộ sau khi hoàn thành nên không thanh toán được công nợ cho Công ty B. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại

diện Công ty B nhận thấy tình hình dịch bệnh là bất khả kháng nên tự nguyện giảm 06 tháng tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty Đ với số tiền 2.979.212.230đồng. Vậy số tiền lãi chậm thanh toán Công ty Đ còn phải trả là 13.623.487.188đồng. Xét Công ty B tự nguyện giảm số tiền trên nên ghi nhận.

- Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng hai bên thống nhất và không ý kiến gì nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đ, sửa bản án sơ thẩm.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần B giảm 06 tháng tiền lãi chậm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đ với số tiền 2.979.212.230đồng (*Hai tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười hai nghìn, hai trăm ba mươi đồng*).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần B. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần B nợ gốc 41.843.673.458đồng, lãi chậm thanh toán 13.623.487.188đồng, phạt vi phạm hợp đồng 3.138.275.509đồng. Tổng cộng là 58.605.436.156đồng (*Năm mươi tám tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng*).

* **Về án phí:** Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 166.605.000đồng (làm tròn) và 2.000.000đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Tổng cộng là 168.605.000đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn đồng*).

* **Quy định:** Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp . Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp . Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Võ Đình Phương